TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/DS-ST
Ngày: 30-9-2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đạt và ông Nguyễn Đình Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Chu Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 81/2022/TLST-DS ngày 07/8/2022 Về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-DS ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-DS ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988; ĐKHKTT: Thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Thửa đất số 751-1 Tổ Dân phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thanh H, Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; ông T có mặt; bà H vắng mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962; ĐKHKTT và nơi ở: Thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1984; ĐKHKTT: Thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Khu Tái định cư L LK19b, X D, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt không có lý do.

+ Bà Đinh Thị T2, sinh năm 1962; ĐKHKTT và nơi ở: Thôn A, xã K, huyện

Y, tỉnh Ninh Bình; người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Khu Tái định cư L LK19b, X D, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 26/02/2013;

+ Cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 09/12/2016;

Người đại diện hợp pháp của cháu T3, cháu M: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988; là mẹ đẻ; có mặt.

Cùng nơi ở: Thửa đất số 751-1 Tổ Dân phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Như T4 đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chị L có 02 con chung là Nguyễn Minh T3, sinh ngày 26/02/2013; Nguyễn Nhật M, sinh ngày 09/12/2016. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị L có mua nhà và đất thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội, diện tích sử dụng 30m^2. Giá tiền 1.350.000.000 đồng, nguồn tiền: tiền của hai vợ chồng có khoảng 900.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, vay của ông bà ngoại 200.000.000 đồng; số tiền thiếu còn lại là vay của anh T1 và anh N, chị L không biết cụ thể bao nhiêu. Toàn bộ số tiền vay của ông bà ngoại, của anh T1, anh N đều đã được vợ chồng chị L trả hết. Khi vay và trả đều không có giấy tờ ký giữa các bên. Khi mua nhà, chỉ là nhà xây thô, sau khi mua, vợ chồng chị Liên hoàn t nhà để ở bằng tiền chung của vợ chồng, lâu ngày chị L không nhớ rõ, chỉ nhớ là khoảng hơn 100.000.000 đồng. Vợ chồng chị L chuyển về ở trên nhà đất nêu tên ngày trong năm 2019.

Đến ngày 29/4/2021, anh T4 chết, anh T4 không để lại di chúc.

Kể từ khi anh T4 chết đến nay, chị L và hai con vẫn đang sử dụng nhà đất nêu trên.

Tuy nhiên, sau khi anh T4 chết, bố, mẹ đẻ của anh T4 và anh T1 là anh trai của anh T4 yêu cầu chị L và hai con của chị L không được tiếp tục ở nhà đất nêu trên với lý do chị L không chăm sóc anh T4 khi anh T4 ốm và chị L ngoại tình. Do quan hệ giữa chị L và gia đình nhà chồng căng thẳng nên chị L không thể nói chuyện với gia đình chồng về việc phân chia di sản của anh T4. Để bảo đảm quyền lợi của chị L và các con của chị L, chị L đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông như sau:

- Ngày 21/4/2022, chị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đề nghị:

+ Phân chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Như T4 đối với nhà và đất thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội.

+ Chị L và các con là cháu Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Nhật M được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng và định đoạt nhà đất nêu trên, đối với phần giá trị thừa kế của bố, mẹ anh T4 được hưởng, chị L sẽ thanh toán toàn bộ bằng tiền mặt.

- Ngày 13/12/2022, chị L nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu:

+ Chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị L và anh Nguyễn Như T4, tài sản chung là diện tích 30m^2 nhà đất thuộc Thửa số 751-1, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội;

+ Xác lập quyền sở hữu phần tài sản của chị L trong khối tài sản chung của vợ chồng nêu trên.

- Ngày 23/02/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị L có mặt và chứng kiến. Kết quả đo đạc thực tế là 26,7m^2, tức là nhỏ hơn diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, chị L không thắc mắc gì về việc chênh lệch diện tích đất nêu trên; đồng thời nhất trí kết quả định giá của Hội đồng định giá theo diện tích sử dụng riêng ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 30m^2.

- Chị L đề nghị cho chị và hai con của chị chưa đủ 18 tuổi được sử dụng toàn bộ nhà đất nêu trên, chị L tự nguyện thanh toán phần tài sản bố mẹ anh T4 được hưởng bằng tiền theo giá trị định giá tài sản.

- Về án phí: chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

[2] Bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ (người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Mạnh T1) và bà Đinh Thị T2 (người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Thành N) trình bày:

- Anh Nguyễn Như T4 là con trai của ông Đ, bà T2; anh T4 là em trai của anh T1, anh N.

- Quá trình vợ chồng anh T4, chị L chung sống có tạo lập được khối tài sản chung là 30m^2 nhà đất như chị L trình bày. Khi mua diện tích nhà đất trên, giá trị căn nhà khoảng 1.350.000.000 đồng. Tại thời điểm vợ chồng anh T4 mua nhà, ông Đ, bà T2 có bán 02 mảnh đất ở quê tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và tiền làm đồng ruộng giành dụm được tổng số 450.000.000 đồng đưa cho anh T4 và chị L mua nhà để cho gia đình con cháu có chỗ ở tại Hà Nội, yên tâm làm ăn nuôi con. Việc giao nhận tiền là do anh T1 đảm nhận vì là con trai cả trong gia đình. Anh T1 giao bằng tiền mặt cho hai vợ chồng anh T4. Tiền này ông Đ, bà T2 xác định là góp vào với vợ chồng anh T4, chưa tuyên bố cho vì bản thân ông bà cũng xác định góp vào với các con để khi ông bà ra Hà Nội cũng có chỗ sinh hoạt. Anh N cho vợ chồng anh T4 vay 250.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng anh T4 đã trả anh N trước khi anh T4 bị ốm.

- Không may anh T4 bị bệnh hiểm nghèo qua đời năm 2021. Khi chết, anh T4 không để lại di chúc. Anh T4 có vợ là chị Trần Thị L và các con chung là cháu Nguyễn Minh T3 sinh ngày 26/02/2013 và cháu Nguyễn Nhật M sinh ngày 09/12/2016. Từ khi anh T4 chết, chị L và hai con chị L vẫn quản lý sử dụng diện tích nhà đất đó, gia đình không tranh chấp. Chị L yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, quan điểm của ông Đ, bà T2 không tranh giành với các con cháu mình đất đai, chỉ muốn giữ nhà để làm nơi ở cho các cháu. Trường hợp chị L vẫn tiếp tục yêu cầu chia tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và phải tính công sức, đóng góp của ông Đ, bà T2 tại thời điểm mua nhà là 450.000.000 đồng; đồng thời khi chia thừa kế, Tòa án tính toán chi phí mai táng cho anh T4 theo phong tục tập quán; gia đình cũng có nguyện vọng bỏ tiền ra lấy lại căn nhà để cho các con anh T4. Ngoài ra anh T4 không để lại di sản nào khác.

[3] Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành các thủ tục tố tụng:

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/02/2023, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản là nhà và đất diện tích sử dụng riêng 30m^2 thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội, kết quả như sau:

+ Về tài sản trên đất: có nhà bê tông cốt thép 03 tầng: tầng 1 có phòng khách, bếp và 01 nhà vệ sinh; tầng 2 có 02 phòng ngủ và nhà vệ sinh; tầng 3 có 01 phòng thờ, 01 phòng kho và 01 sân phơi lợp mái tôn.

+ Về những người sinh sống trên đất: không có ai ăn ở sinh sống thường xuyên, thỉnh thoảng chị L qua lại nhà để dọn dẹp và thắp hương cho chồng.

+ Về đo đạc thực tế: kết quả do đạc của Công ty cổ phần Đ2 xác định diện tích đất thực tế là 26,7m^2.

- Biên bản định giá tài sản ngày 23/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản đã định giá nhà đất:

+ Giá trị đất: 900.000.000 đồng;

+ Giá trị tổng tài sản gắn liền với đất: 402.684.240 đồng.

- Tòa án đã gửi Thông báo yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn không giao nộp theo yêu cầu của Tòa án.

- Ngày 27/8/2023, Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chỉ có mặt nguyên đơn; bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều vắng mặt không có lý do, do đó sau khi Tòa án công khai chứng cứ không tiến hành hòa giải được.

- Tòa án đã gửi cho bị đơn Thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc Tòa án thu thập chứng cứ, hòa giải để bị đơn biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa:

[4.1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Xác lập quyền sở hữu phần tài sản của chị L trong khối tài sản chung của vợ chồng; đồng thời chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị L và anh T4, tài sản chung là diện tích 30m^2 nhà đất đã nêu.

+ Phân chia di sản thừa kế của anh T4 đối với nhà và đất nêu trên. Đề nghị cho chị L và các con là cháu Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Nhật M được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên; đối với phần giá trị thừa kế của bố, mẹ anh T4 được hưởng, chị L sẽ thanh toán toàn bộ bằng tiền mặt.

+ Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4.2] Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì gửi đến Hội đồng xét xử.

[4.3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên toà có quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật:

[4.3.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên toà và trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa, họ đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[4.3.2] Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Nhà đất thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng anh T4, chị L; anh T4 chết không để lại di chúc. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Công nhận chị L có quyền tài sản là ½ nhà đất;

+ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế phần di sản của anh T4 cho 05 người là ông Đ, bà T2, chị L, cháu T3 và cháu M sau khi trích một phần di sản để chi phí cho việc mai táng anh T4 theo yêu cầu của bị đơn;

+ Giao chị L và 02 con là cháu T3 và cháu M có quyền sử dụng nhà đất.

+ Chị L có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ, bà T2 phần di sản mà ông Đ, bà T2 được hưởng.

- Án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về di sản thừa kế là bất động sản tại địa chỉ: T - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội,

căn cứ quy định về thẩm quyền theo loại việc và lãnh thổ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc đưa người tham gia tố tụng trong vụ án: Chị Trần Thị L khởi kiện bị đơn là ông Đ, bà T2 do có tranh chấp về việc chia di sản thừa kế của anh T4, do đó cần đưa các con của anh T4 là cháu Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Nhật M tham gia tố tụng là người có quyền lợi liên quan.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Đ, bà T2 và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là anh T1, người đại diện theo ủy quyền của bà T2 là anh N vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về xác nhận quyền tài sản của chị L trong khối tài sản chung của vợ chồng và chia tài sản chung của vợ chồng:

Theo tài liệu chị L giao nộp, lời khai của chị L và các đương sự khác trong vụ án, chị Trần Thị L và anh Nguyễn Như T4 có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh T4 có mua nhà và đất diện tích sử dụng riêng 30m^2 thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa: Bên chuyển nhượng: ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1 - Bên nhận chuyển nhượng: ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L, ký ngày 10/10/2019, có công chứng của Văn phòng C (số công chứng: 4123, quyển số 02.2019 TP/CC-SCC/HĐGD), xác định nhà đất nêu trên là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị L, anh T4 nên là tài sản chung của vợ chồng chị L, anh T4 theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chị L và anh T4 không có thỏa thuận về chế độ tài sản. Chị L khai đã sử dụng số tiền là tài sản chung của vợ chồng cùng với số tiền vay để mua nhà đất, số tiền vay, anh chị đã trả hết. Do đó, xác định công sức đóng góp của vợ chồng vào khối tài sản chung là ngang nhau. Sau khi anh T4 chết, chị L là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất; anh T4 không để lại di chúc, nay chị L có yêu cầu xác nhận phần tài sản của mình trong

khối tài sản chung, đồng thời chia thừa kế phần di sản của anh T4, căn cứ khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L, cần chia đôi nhà đất, phần tài sản của chị L là ½ nhà đất nêu trên.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế di sản của anh Nguyễn Như T4:

[2.2.1] Thời điểm mở thừa kế và luật áp dụng: anh T4 chết ngày 29/4/2021, đây là thời điểm mở thừa kế đối với di sản của anh T4. Căn cứ thời điểm mở thừa kế, áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp. Theo đó, chị L trong diện thừa kế nên có quyền yêu cầu chia di sản. Khi còn sống, anh T4 không lập di chúc để định đoạt tài sản của mình, do đó, cần áp dụng các điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chia di sản của anh T4 cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Về những người được hưởng di sản thừa kế: theo Điều 651 của Bộ luật Dân sự, những người được hưởng di sản thừa kế của anh T4 gồm bố đẻ, mẹ đẻ, vợ và các con đẻ của anh T4, cụ thể là 05 người: ông Nguyễn Văn Đ, bà Đinh Thị T2, chị Trần Thị L, cháu Nguyễn Minh T3 và cháu Nguyễn Nhật M. Theo lời khai của các đương sự trong vụ án và quy định của pháp luật, ngoài 05 người nêu trên, không có ai khác được hưởng di sản thừa kế của anh T4.

[2.2.3] Về di sản thừa kế của anh Nguyễn Như T4: như đã nhận định ở mục [2.1], di sản của anh T4 là ½ nhà và đất thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn khai khi vợ chồng chị L và anh T4 mua nhà, ông Đ và bà T2 có đóng góp số tiền 450.000.000 đồng, chưa tuyên bố cho, mục đích để gia đình con cháu có chỗ ở tại Hà Nội và khi ông bà ra Hà Nội có chỗ sinh hoạt. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng minh, chị L không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận việc tính công sức đóng góp của bị đơn.

[2.2.4] Di sản thừa kế là ½ nhà đất có tổng diện tích sử dụng riêng là 30m^2, chị L đang quản lý, sử dụng có nguyện vọng được tiếp tục sử dụng nhà làm nơi ở cho chị L và các cháu T3, M1; chị L tự nguyện thanh toán phần giá trị di sản ông Đ, bà T2 được hưởng bằng tiền, xét thấy nguyện vọng của chị L là chính đáng nên

cần chấp nhận để bảo đảm quyền lợi cho vợ và các con chưa thành niên của anh T4 ổn định cuộc sống.

[2.2.5] Bị đơn yêu cầu khi chia thừa kế, Tòa án tính toán chi phí cho việc mai táng anh T4 theo phong tục tập quán, xét thấy khi anh T4 chết, ông Đ và bà T2 đã đứng ra để lo tang lễ mai táng cho anh T4, việc này được chị L thừa nhận, yêu cầu của bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 658 của Bộ luật Dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bị đơn về khoản chi phí liên quan đến thừa kế này. Bị đơn đưa ra yêu cầu nhưng không đưa ra mức cụ thể và không giao nộp tài liệu chứng minh, tuy nhiên, xét thấy cần chấp nhận mức chi phí hợp lý theo phong tục tập quán tại địa phương với mức chi phí 21.342.120 đồng.

[2.2.6] Theo kết quả định giá tài sản, tổng giá trị nhà và đất là 1.302.684.240 đồng, do đó giá trị di sản thừa kế của anh T4 là 651.342.120 đồng. Giá trị di sản thừa kế còn lại sau khi chi phí mai táng anh T4 là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng, chia cho 05 người thừa kế, phần mỗi người được hưởng như sau:

+ Ông Nguyễn Văn Đ được hưởng 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng;

+ Bà Đinh Thị T2 được hưởng 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng;

+ Chị Trần Thị L được hưởng 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng;

+ Cháu Nguyễn Minh T3 được hưởng 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng;

+ Cháu Nguyễn Nhật M được hưởng 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng.

Cháu T3 và cháu M hiện dưới 15 tuổi nên phần giá trị tài sản của hai cháu do chị L là người đại diện theo pháp luật của các cháu quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L được sử dụng nhà đất nên chị L phải thanh toán cho ông Đ, bà T2 phần giá trị ông Đ, bà T2 được hưởng.

[3]. Về chi phí tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, chị L đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị L tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 6.800.000 đồng, xét sự tự nguyện của chị L phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, chị L đã nộp đủ.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Đ, bà T2 là người cao tuổi; cháu T3, cháu M là trẻ em nên đều được miễn án phí; chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà chị L được chia, được hưởng trong khối di sản thừa kế, số tiền: 5% x 126.000.000 đồng = 6.300.000 đồng.

[5]. Áp dụng Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 33; khoản 2 Điều 76 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2914;

- Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L về việc xác nhận quyền tài sản của chị L trong khối tài sản chung của vợ chồng: Xác nhận quyền tài sản của chị Trần Thị L trong khối tài sản chung của vợ chồng là ½ nhà và đất thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã

đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L về việc chia thừa kế di sản của anh Nguyễn Như T4.

2.1. Xác nhận di sản của anh Nguyễn Như T4 là ½ nhà và đất thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội.

2.2. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Đinh Thị T2, chị Trần Thị L, cháu Nguyễn Minh T3 và cháu Nguyễn Nhật M được hưởng thừa kế di sản của anh Nguyễn Như T4, phần được hưởng của những người này bằng nhau.

2.3. Chị Trần Thị L và các cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Nhật M được sử dụng toàn bộ nhà đất thuộc Thửa số 751-1, Tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thành Công - L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 881295 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/9/2018 cho ông Đoàn Cao M1 và bà Nguyễn Thị Thư H1, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như T4 và bà Trần Thị L ngày 30/10/2019 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H, thành phố Hà Nội.

Chị Trần Thị L có trách nhiệm đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

3. Chị Trần Thị L phải có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền sau:

- Thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị T2 số tiền 21.342.120 (hai mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn một trăm hai mươi) đồng chi phí mai táng anh Nguyễn Như T4.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng.

- Thanh toán cho bà Đinh Thị T2 số tiền 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đinh Thị T2, cháu Nguyễn Minh T3, cháu Nguyễn Nhật M.

- Chị Trần Thị L phải nộp 6.300.000 (sáu triệu ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 33.500.000 (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010329 ngày 08/7/2022 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010947 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, hoàn trả chị Trần Thị L số tiền 27.200.000 (hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/9/2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.